

TÁC ĐỘNG CỦA TOÀN CẦU HÓA ĐẾN SỰ ĐA DẠNG VĂN HÓA KHU VỰC TÂY NGUYÊN

LÀI THỊ VÂN

Viện Khoa học Xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

Nhận bài ngày 05/8/2026. Sửa chữa xong 04/9/2026. Duyệt đăng 12/9/2026.

Abstract

The Central Highlands has a distinctive cultural landscape characterized by rich tangible and intangible cultural heritage and the cultural diversity of its indigenous ethnic minorities. Globalization and international integration offer opportunities for economic development, cultural exchange, and heritage digitization, while also posing challenges to the region's cultural diversity. This article examines both the positive and negative impacts of globalization and proposes measures to preserve and promote cultural values and cultural diversity in the Central Highlands in the context of globalization. A comprehensive understanding of these impacts provides a scientific basis for developing policies to support sustainable development at regional and local levels.

Keywords: Central Highlands, cultural diversity, globalization, impact.

1. Đặt vấn đề

Khu vực Tây Nguyên giữ vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng và an ninh của Tổ quốc. Sau sáp nhập, 5 tỉnh vùng Tây Nguyên (cũ) trở thành 4 tỉnh mới hiện nay (Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng) và mỗi tỉnh đều có đường bờ biển và cảng nước sâu, giúp kết nối trực tiếp cao nguyên với các tuyến hàng hải quốc tế, phát huy các tiềm năng, thế mạnh cho các địa phương. Tổng diện tích tự nhiên của khu vực Tây Nguyên sau sáp nhập là 72.235,7093 km², dân số 36.337,3 nghìn người (Nguyễn Thảo, 2025). Sự kết hợp không gian phát triển mới này gắn kết kinh tế biển với nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến và năng lượng; tạo ra nền tảng quan trọng để phát triển mô hình du lịch liên kết biển - rừng; mở ra không gian phát triển mới cho kinh tế, văn hóa, xã hội khu vực Tây Nguyên. Tây Nguyên còn là nơi lưu giữ kho tàng văn hóa đậm đà bản sắc với triết lý sống hài hòa giữa con người và đại ngàn trên nền tảng văn hóa đa dạng trong thống nhất. Mỗi tộc người thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên sở hữu hệ thống văn hóa đặc thù, phong phú và đa chiều, hình thành qua quá trình sinh tồn lâu dài trong môi trường sinh thái đặc trưng, nơi rừng, núi, sông suối và đất đỏ bazan không chỉ là điều kiện tự nhiên mà còn là không gian biểu tượng và tâm linh. Văn hóa của các tộc người hòa quyện thành một chỉnh thể độc đáo, đóng vai trò nền tảng trong việc duy trì bản sắc tộc người, điều tiết đời sống cộng đồng và trao truyền tri thức giữa các thế hệ.

Tuy nhiên, làn sóng toàn cầu hóa với đặc trưng là sự bùng nổ của công nghệ thông tin, kinh tế thị trường và sự di cư đang tác động mạnh mẽ, làm thay đổi sâu sắc cấu trúc kinh tế - xã hội và diện mạo văn hóa của vùng đất này. Toàn cầu hóa là một xu thế tất yếu của xã hội. Đối với khu vực Tây Nguyên, xu thế này vừa mang lại mặt tích cực nhờ công nghệ và kinh tế di sản, vừa phải đối mặt với những mặt trái, mặt tiêu cực của quá trình toàn cầu hóa. Bảo tồn sự đa dạng văn hóa Tây Nguyên trong bối cảnh toàn cầu hóa cần tạo điều kiện cho nền văn hóa đó tự vận động, biến đổi, phát triển một cách lành mạnh, vừa tiếp thu tinh hoa nhân loại trên nền tảng bảo tồn văn hóa truyền thống. Bài viết phân tích mặt tích cực và tiêu cực của toàn cầu hóa, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, đa dạng văn hóa khu vực Tây Nguyên trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Email: laiivan719@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tác động của toàn cầu hóa đến đa dạng văn hóa khu vực Tây Nguyên

Quá trình toàn cầu hóa mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức đối với việc duy trì đa dạng văn hóa khu vực Tây Nguyên. Đảng và Nhà nước luôn nhấn mạnh, tinh thần “thống nhất trong đa dạng, đa dạng trong thống nhất”, coi đó là nguyên tắc trong hoạch định và thực thi chính sách văn hóa. Đó cũng là điều kiện để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc - như mục tiêu xuyên suốt được khẳng định trong các văn kiện Đại hội Đảng từ khóa VIII đến nay trong bối cảnh toàn cầu hóa.

2.1.1. Về mặt tích cực

Quá trình toàn cầu hóa thúc đẩy phát triển du lịch văn hóa bền vững. Sự giao lưu quốc tế biến các buôn làng, lễ hội (lễ mừng lúa mới, lễ bỏ mả...) và kiến trúc truyền thống (nhà rông, nhà dài) thành sản phẩm du lịch hấp dẫn, giúp người dân địa phương vừa có thêm thu nhập vừa tự hào về nguồn cội. Toàn cầu hóa không chỉ là sự dịch chuyển về kinh tế mà còn là động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển đa dạng văn hóa tại Tây Nguyên. Quá trình này tạo ra cơ chế tương hỗ: quốc tế hóa các giá trị văn hóa địa phương để có nguồn lực quay lại bảo tồn chính những giá trị văn hóa đặc sắc đó.

Toàn cầu hóa mở rộng không gian truyền thông và kết nối giao thông, giúp các yếu tố văn hóa đặc sắc của Tây Nguyên tiếp cận trực tiếp với du khách quốc tế. Từ chỗ là không gian sinh hoạt cộng đồng thuần túy, nhà rông, nhà dài trở thành những “bảo tàng sống”. Du khách quốc tế được trải nghiệm trực quan về nghệ thuật kiến trúc chạm khắc gỗ, cách tổ chức không gian sống và tư duy vũ trụ luận của các tộc người tại chỗ. Một ví dụ điển hình cho toàn cầu hóa thông minh có thể kể đến buôn Ako Dhom (phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk). Đây là minh chứng rõ nhất cho việc người Êđê chủ động đón nhận dòng khách quốc tế mà không bị hòa tan. Người dân Ako Dhom dùng doanh thu từ du lịch để duy trì hơn 30 ngôi nhà dài truyền thống, bảo tồn kiến trúc bằng nguồn lực du lịch. Nhà dài ở đây không bị bỏ hoang, mà là nơi sinh sống, đồng thời là homestay, quán cà phê sinh thái và không gian trưng bày công chiêng, dệt thổ cẩm. Khách quốc tế đến đây được trải nghiệm lối sống địa phương chuẩn mực: uống rượu cần, nghe kể khan (sử thi) và thưởng thức ẩm thực của Êđê, hòa mình trong không gian văn hóa của người Tây Nguyên.

Các nghi lễ cộng đồng, lễ hội không còn bó hẹp trong phạm vi một buôn làng mà trở thành “sự kiện văn hóa” thu hút khách du lịch. Sự kết hợp giữa âm thanh công chiêng, điệu múa xoang, rượu cần và thể giới tâm linh nguyên thủy tạo nên một sản phẩm du lịch có chiều sâu, mang tính độc đáo trên bản đồ du lịch văn hóa thế giới. Tiêu biểu là Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuật giữ vai trò là cầu nối văn hóa ra thế giới. Đắk Lắk đã biến một nông sản toàn cầu (hạt cà phê) thành một “đại sứ văn hóa”. Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuật giờ đây không chỉ là hội chợ thương mại mà là một lễ hội văn hóa tầm cỡ quốc tế. Trong khuôn khổ lễ hội, các nghi lễ như Lễ mừng lúa mới, Lễ cúng sức khỏe cho voi và các hội thi tạc tượng gỗ dân gian được nâng tầm thành sự kiện thu hút truyền thông quốc tế. Nguồn thu từ xuất khẩu cà phê và du lịch lễ hội tái đầu tư ngược lại cho một số buôn làng du lịch cộng đồng. Toàn cầu hóa kinh tế tạo ra bệ đỡ tài chính vững chắc để duy trì các hoạt động văn hóa phi vật thể vốn rất tốn kém để tổ chức.

Quá trình toàn cầu hóa cũng tạo động lực phát triển kinh tế từ du lịch di sản. Du lịch sinh thái gắn với văn hóa cộng đồng mang lại nguồn thu nhập trực tiếp cho đồng bào. Khi văn hóa trở thành sinh kế, người dân tự khắc có động lực nội sinh để gìn giữ trang phục, ẩm thực và các nghi lễ truyền thống. Du lịch tạo ra mô hình du lịch cộng đồng, dịch vụ hướng dẫn viên là người tại chỗ, biểu diễn nghệ thuật và bán sản phẩm thủ công mỹ nghệ (thổ cẩm, rèn, điêu khắc gỗ)... mang lại thu nhập ổn định cho người dân, giúp họ giảm sự phụ thuộc vào giá cả nông nghiệp bấp bênh hoặc khai thác tài nguyên rừng trái phép.

Ngoài ra, quá trình toàn cầu hóa cũng giúp Tây Nguyên phát huy tối đa giá trị di sản văn hóa ra thế giới. Nhờ toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, các di sản văn hóa độc đáo của Tây Nguyên đã được quốc tế công nhận và biết đến rộng rãi. Tiêu biểu nhất là *Không gian văn hóa Công chiêng Tây Nguyên* và *Nghệ thuật Bài Chòi Trung Bộ Việt Nam* được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân

loại. Bên cạnh đó, bộ phận người Tày, Nùng, Thái di cư vào Tây Nguyên sinh sống chiếm số lượng lớn dân cư trong vùng (đây cũng là các chủ thể sở hữu *Di sản Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam*, được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại). Như vậy, có thể thấy Tây Nguyên là nơi hội tụ của nhiều di sản văn hóa đặc biệt quan trọng, không chỉ thể hiện sự độc đáo của văn hóa các tộc người sinh sống trên địa bàn, mà còn góp phần khẳng định vị thế của Việt Nam trên bản đồ di sản văn hóa thế giới.

Ở một khía cạnh tích cực khác, quá trình toàn cầu hóa còn đánh thức lòng tự hào dân tộc của cộng đồng. Khi thấy người nước ngoài ngưỡng mộ, trân trọng văn hóa của mình, người dân địa phương, đặc biệt là thế hệ trẻ sẽ thay đổi nhận thức, cảm thấy tự hào về nguồn cội. Lòng tự hào này là động lực tự thân mạnh mẽ nhất để họ chủ động học đánh cồng chiêng, dệt thổ cẩm và gìn giữ nếp nhà truyền thống, thay vì chạy theo sự đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ trong xã hội.

2.1.2. Về mặt tiêu cực

Ở mặt trái của vấn đề toàn cầu hóa, văn hóa Tây Nguyên phải đối mặt với nhiều thách thức. Thách thức lớn nhất hiện nay có thể nói đó là giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - hội nhập và bảo tồn di sản văn hóa truyền thống.

Tác động của nền kinh tế thị trường khiến không gian văn hóa cồng chiêng với những bến nước, nương rẫy, nhà mồ, không gian rừng... đang mất dần trong đời sống cộng đồng. Quá trình đô thị hóa và hiện đại hóa làm mai một không gian sinh hoạt truyền thống, làm thu hẹp không gian rừng tự nhiên và nương rẫy vốn là “cội nguồn”, là nơi nuôi dưỡng văn hóa cồng chiêng và các lễ hội dân gian của các tộc người tại chỗ. Khi cấu trúc không gian buôn làng thay đổi, các thực hành văn hóa truyền thống tất yếu bị gián đoạn, các giá trị cũ nhường chỗ cho các quan niệm mới, giá trị mới, thực hành văn hóa mới.

Cồng chiêng, lễ hội, nhà rông, nhà dài... ở nhiều nơi trở thành “sản phẩm du lịch hóa”, bị dàn dựng theo yêu cầu thị trường. Hệ quả là giá trị linh thiêng và ý nghĩa văn hóa sâu xa bị bào mòn, trong khi cộng đồng, chủ thể văn hóa lại bị đẩy ra bên lề của chính di sản mình đang mang. Ở một số lễ hội phục dựng, người dân được thuê mặc trang phục truyền thống, đánh chiêng, diễn xướng theo kịch bản sẵn có mà không hiểu rõ ý nghĩa của nghi thức đó.

Trước thực trạng “chảy máu cồng chiêng”, các tỉnh Tây Nguyên hết sức chú trọng đến công tác bảo tồn cồng chiêng và chính sách quan tâm đến nghệ nhân. Theo thống kê, năm 2024, tỉnh Đắk Lắk có 1.603 bộ chiêng, gồm 1.178 bộ chiêng Ê Đê, 219 bộ chiêng Mnông, 118 bộ chiêng Gia Rai, 88 bộ chiêng khác; 481 đội chiêng, đội văn nghệ duy trì sinh hoạt tại các thôn, buôn. Hiện nay, toàn tỉnh còn 3.749 nghệ nhân nắm giữ các loại hình di sản, trong đó 1.015 nghệ nhân trẻ đang tiếp nối gìn giữ và thực hành văn hóa truyền thống. Bên cạnh đó, tỉnh còn khảo sát sưu tầm và ghi hình tư liệu các bài chiêng truyền thống của người Ê Đê, Mnông. Tỉnh Gia Lai hiện có 4.576 bộ cồng chiêng với tổng 68.568 chiếc chiêng. Theo thống kê chưa đầy đủ từ các địa phương, toàn tỉnh Gia Lai có tổng số 14.576 nghệ nhân cồng chiêng, trong đó có 8.889 nghệ nhân Bahnar, 5.682 nghệ nhân Jrai và 05 nghệ nhân dân tộc khác, trong đó, 01 dân tộc Nùng, 04 dân tộc Kinh (Thúy Phương, 2024).

Đứt gãy thế hệ trong lưu truyền văn hóa cũng là hệ quả tất yếu của quá trình toàn cầu hóa. Nhiều nghệ nhân già, tuổi tác cao đã qua đời, còn thế hệ trẻ lại thiếu mặn mà với văn hóa truyền thống. Sự xuất hiện của nhiều loại hình giải trí mới khiến sức hút của cồng chiêng và các loại hình văn hóa truyền thống giảm sức hấp dẫn giới trẻ. Lối sống hiện đại, công nghệ giải trí phương Tây và các xu hướng toàn cầu dễ cuốn hút thế hệ trẻ Tây Nguyên, dẫn đến nguy cơ thiếu hụt lực lượng kế cận giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Rất ít người còn biết hát ây rây, kể khan, hát kút (dân ca Ê Đê), thổi khèn đing năh và chơi cồng chiêng.

Bên cạnh đó, quá trình toàn cầu hóa còn làm mai một ngôn ngữ, vốn tri thức địa phương. Ngôn ngữ là linh hồn của văn hóa. Tuy nhiên, hiện nay tình trạng mai một ngôn ngữ mẹ đẻ ở các dân tộc thiểu số Tây Nguyên đang diễn ra với tốc độ đáng báo động. Tỷ lệ học sinh dân tộc biết sử dụng thành thạo tiếng mẹ đẻ trong sinh hoạt hằng ngày càng giảm. Các bài khan không được truyền lại, kỹ thuật canh tác theo chu kỳ rừng bị thay thế bởi mô hình nông nghiệp công nghiệp, bài thuốc dân gian mất đi

do môi trường rừng không còn và người trẻ không còn muốn học nghề. Sự biến mất của ngôn ngữ và tri thức địa phương không chỉ là mất mát về văn hóa, mà còn là tổn thất lớn về vốn xã hội và khả năng tự chủ phát triển của cộng đồng.

Hiện nay, công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa Tây Nguyên phải đối mặt với tư duy bảo tồn hình thức, khai thác bản sắc theo hướng thị trường hóa cực đoan khiến cho chủ thể văn hóa không còn điểm tựa để đi tiếp trong hành trình phát triển bền vững.

Để phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của toàn cầu hóa, cần xây dựng hệ giá trị văn hóa Việt Nam mang tính nền tảng, có khả năng quy tụ và điều tiết sự đa dạng một cách tích cực. Trên cơ sở đó, chính sách văn hóa phải toàn diện, linh hoạt và bao trùm, đảm bảo quyền được bảo tồn và lan tỏa văn hóa của mọi dân tộc, đồng thời chú trọng đầu tư cho gìn giữ, số hóa và truyền thống di sản văn hóa, nhất là của các cộng đồng thiểu số và vùng miền đặc thù như khu vực Tây Nguyên.

2.2. Giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa Tây Nguyên trong bối cảnh toàn cầu hóa

Trước tiến trình toàn cầu hóa về văn hóa, Ngô Đức Thịnh trong nghiên cứu của mình cho rằng, đối với các quốc gia trên thế giới cũng như với Việt Nam, không thể cự tuyệt toàn cầu hóa cũng không thể mở toang cửa cho văn hóa toàn cầu tràn vào làm đồng hóa, hòa tan văn hóa truyền thống của dân tộc, mà cần phải tối ưu, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại. Trên cơ sở bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, giữ lấy các yếu tố tinh hoa, loại trừ các yếu tố lỗi thời, tăng cường giao lưu văn hóa với bên ngoài, tiếp thu tinh hoa của văn hóa thế giới, bản địa hóa, dân tộc hóa chúng để làm giàu cho văn hóa dân tộc, lấy văn hóa làm động lực cho sự phát triển của dân tộc (Ngô Đức Thịnh, 2018). Chúng tôi cho rằng, văn hóa khu vực Tây Nguyên cũng cần theo hướng ứng xử này.

Bảo tồn văn hóa gắn liền với bảo vệ không gian sinh thái, không gian sống, nơi văn hóa đã, đang và sẽ được thực hành bởi chủ thể văn hóa. Vì vậy, bảo tồn văn hóa Tây Nguyên không thể chỉ dừng lại ở việc “lưu giữ” những hiện vật vật chất (như cổng chiêng, nhà rông, thổ cẩm), mà quan trọng hơn là bảo tồn không gian thực hành văn hóa, nơi các giá trị được sống, được trao truyền và phát triển theo cách tự nhiên nhất, văn hóa được vận hành một cách bền vững trong lòng cộng đồng, chứ không phải chỉ thông qua các chương trình bảo tồn hình thức, thiếu sự tham gia của chính chủ thể văn hóa.

Công cuộc bảo tồn và phát triển vốn văn hóa truyền thống ở Tây Nguyên cần hỗ trợ cộng đồng tạo dựng một môi trường không gian buôn làng có khả năng nuôi dưỡng các hiện tượng, thực hành văn hóa. Chỉ trong một không gian thực hành đúng nghĩa, các giá trị văn hóa truyền thống mới có thể tồn tại, tái sinh và hiện đại hóa, thẩm thấu một cách tự nhiên vào đời sống hiện tại của cộng đồng.

Nhìn nhận và phát huy giá trị văn hóa như một “nguồn lực phát triển”. Văn hóa không chỉ là di sản mà còn là tài sản có thể sinh lợi, nếu được nhìn nhận đúng vai trò và phát huy bằng cơ chế, chính sách phù hợp. Bảo tồn để cộng đồng có thể tự hào và sống tốt bằng chính bản sắc văn hóa của mình là hướng phát triển bền vững, lâu dài mà Tây Nguyên cần hướng tới. Phát triển du lịch văn hóa bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa là xu hướng tất yếu hiện nay. Phát triển du lịch sinh thái - cộng đồng, khuyến khích du khách trải nghiệm cuộc sống buôn làng thay vì chỉ xem biểu diễn dàn dựng. Đảm bảo phần lớn nguồn thu từ du lịch được tái đầu tư cho cộng đồng địa phương để họ có động lực giữ gìn di sản.

Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa khu vực Tây Nguyên trong sự phát triển, tôn trọng, đề cao tính đặc thù của văn hóa vùng. Việc thống nhất các chính sách, chương trình phát triển văn hóa có thể sẽ dẫn đến sự “đồng nhất hóa” văn hóa, làm mất đi sự đa dạng và phong phú vốn có của văn hóa khu vực Tây Nguyên. Cần rà soát, điều chỉnh và ban hành các cơ chế, chính sách mới phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa. Dấu ấn văn hóa của các DTTS tại chỗ cùng với sự giao lưu văn hóa vùng miền và các dân tộc di cư đến Tây Nguyên làm nên những giá trị lịch sử, văn hóa độc đáo, phù hợp để phát triển du lịch các tỉnh Tây Nguyên hiện nay. Tuy nhiên, quan trọng nhất vẫn là tôn trọng, đề cao tính đặc thù của văn hóa vùng, đề những giá trị, hồn cốt của vùng đất này được bảo tồn, phát huy, tạo thành những sản phẩm du lịch cụ thể, đặc trưng, có chất lượng và mang thương hiệu của vùng cao nguyên kết hợp với vùng biển, góp phần vào phát triển kinh tế, xã hội của khu vực Tây Nguyên. Bảo tồn và phát huy giá trị văn

hóa Tây Nguyên trên cơ sở một mặt tuân thủ định hướng phát triển bền vững của Đảng, Nhà nước, mặt khác, tôn trọng ý kiến và nguyện vọng của chủ thể văn hóa.

Bảo tồn bản sắc văn hóa Tây Nguyên cần gắn với các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của vùng, địa phương, đặc biệt ở vùng dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên, nơi văn hóa không chỉ là ký ức, mà là phương thức sống, là hệ giá trị tạo nên sức mạnh cộng đồng. Làm sao để phát huy giá trị văn hóa thành sinh kế bền vững của cộng đồng, vừa nâng cao thu nhập cho người dân vừa có thể trao quyền giữ gìn bản sắc, khơi dậy nội lực văn hóa và phục hồi các nguồn vốn tri thức địa phương như một phần cốt lõi của phát triển.

Cần xây dựng chương trình bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc với sự tham gia tích cực của cộng đồng. Việc giữ gìn các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, khôi phục các lễ hội, phong tục tập quán tốt đẹp cần được đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời, tạo điều kiện để các giá trị văn hóa truyền thống được kết nối với phát triển du lịch và kinh tế sáng tạo, trở thành nguồn lực nội sinh cho phát triển. Nâng cao vai trò của chính người dân địa phương (chủ thể văn hóa), giúp họ vừa tiếp thu cái mới để phát triển kinh tế, vừa có ý thức tự tôn để bảo vệ “hồn cốt” của đại ngàn. Khuyến khích người trẻ làm “người gìn giữ mới” thông qua sáng tạo nội dung, mạng xã hội, du lịch văn hóa...

Ngoài ra, việc bảo tồn bản sắc văn hóa còn liên quan đến việc gìn giữ và phát huy vai trò của các thiết chế văn hóa truyền thống, các già làng, trưởng bản, nghệ nhân dân gian - những người nắm giữ và truyền dạy các giá trị văn hóa. Các thiết chế văn hóa cơ sở cần được củng cố và phát triển, bảo đảm mỗi cộng đồng dân tộc đều có không gian riêng để bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của mình. Có chính sách đãi ngộ với nghệ nhân, tôn vinh các nghệ nhân, già làng, trưởng bản, hỗ trợ kinh phí và tạo không gian cho các nghệ nhân truyền dạy công chiêng, sử thi, dệt thổ cẩm cho thế hệ trẻ.

Tăng cường hợp tác quốc tế giúp khẳng định mô hình “văn hóa Tây Nguyên thống nhất trong đa dạng” trên trường quốc tế, quảng bá hình ảnh Việt Nam nói chung, Tây Nguyên nói riêng đến với thế giới, đồng thời tiếp thu kinh nghiệm quản trị văn hóa hiện đại.

Bên cạnh đó, ứng dụng công nghệ số là con đường tất yếu để số hóa, kết nối và lan tỏa giá trị văn hóa, đồng thời mở rộng khả năng tiếp cận tri thức cho mọi người dân. Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa Tây Nguyên trong bối cảnh toàn cầu hóa. Số hóa không gian văn hóa là xu hướng tất yếu để văn hóa Tây Nguyên đến với thế giới. Công nghệ không chỉ dừng lại ở lưu trữ mà còn trở thành công cụ quảng bá hiệu quả. Nhiều video, phóng sự về đời sống và nghệ thuật truyền thống Tây Nguyên được lan tỏa mạnh mẽ trên mạng xã hội, góp phần đưa văn hóa Tây Nguyên đến gần hơn với du khách trong và ngoài nước, làm phong phú thêm trải nghiệm du lịch và nâng cao giá trị di sản.

Giáo dục giá trị văn hóa Tây Nguyên trong trường học vì sự phát triển bền vững. Trên nền tảng đổi mới giáo dục và các hướng đi của Chương trình giáo dục phổ thông mới, chúng ta có thể cập nhật và khai thác những giá trị của di sản văn hóa, trang bị cho các thế hệ tương lai nền tảng văn hóa vững chắc, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc cũng chính là góp phần phát triển bền vững kinh tế xã hội khu vực Tây Nguyên thời gian tới.

3. Kết luận

Tây Nguyên là vùng đất giàu bản sắc văn hóa với sự đa dạng về tộc người, ngôn ngữ, phong tục tập quán và di sản văn hóa. Mỗi địa phương trong khu vực này đều có những nét văn hóa đặc trưng riêng, đã được gìn giữ và phát triển qua nhiều thế hệ. Trong bối cảnh hội nhập hiện nay, vấn đề bảo tồn, phát huy, phát triển đa dạng văn hóa khu vực Tây Nguyên đặt ra hết sức cấp thiết, một mặt gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa đặc sắc của khu vực, mặt khác góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của các địa phương. Trước xu thế toàn cầu hóa, việc thực hiện đồng thời nhiệm vụ vừa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, vừa phát triển du lịch bền vững dựa trên di sản là một nhiệm vụ quan trọng, mang tính cấp thiết, góp phần xây dựng nền văn hóa đa dạng, thống nhất, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm là phát triển kinh tế - xã hội khu vực Tây Nguyên.

Tài liệu tham khảo

- Claude Lévi Strauss (1996). *Chủng tộc và lịch sử*. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.
- Grahame Thompson (1999). *Introduction: Situating globalization - International Social Sciences Journal*. UNESCO. N 160, p. 139-52.
- Ngô Đức Thịnh (2008). Tiếp cận nông thôn Việt Nam từ mạng lưới xã hội và vốn xã hội. *Tạp chí Dân tộc học*, số 4.
- Ngô Đức Thịnh (2018). *Dân tộc học và nhân học ở Việt Nam*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, tr. 232.
- Ngô Đức Thịnh (2023). *Hệ giá trị văn hóa Việt Nam*. NXB Tri thức.
- Lê Hường (2026). *Công nghệ số giúp công chiêng Tây Nguyên ngân vang cùng thời đại*. <https://dantocphattrien.vietnamnet.vn/cong-nghe-so-giup-cong-chieng-tay-nguyen-ngan-vang-cung-thoi-dai-73382.html>.
- Thúy Phương (2024). *Kết quả điều tra, thống kê về công chiêng và nghệ nhân công chiêng trên địa bàn tỉnh Gia Lai*. Website Bảo tàng Pleiku. <https://baotangpleiku.gialai.gov.vn/tin-tuc-su-kien/Tin-tong-hop/Ket-qua-dieu-tra-thong-ke-ve-cong-chieng-va-nghe>.
- Bùi Hoài Sơn (2022). *Giá trị văn hóa Việt Nam nhìn từ các chiều cạnh giá trị quốc gia, vùng, miền, tộc người*; *Tạp chí Cộng sản*. https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/gia-tri-van-hoa-viet-nam-nhin-tu-cac-chieu-can-h-gia-tri-quoc-gia-vung-mien-toc-nguoi.
- Nguyễn Thảo (2025). *Sáp nhập tỉnh: Tây Nguyên mở cửa phát triển ra biển lớn miền Trung*; <https://vietnamnet.vn/sap-nhap-tinh-tay-nguyen-mo-cua-phat-trien-ra-bien-lon-mien-trung-2392592.html>.
- UNESCO (2001). *Universal Declaration on Cultural Diversity*. Paris.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC...

Tiếp theo trang 49

5. Kết luận

Bài viết đã phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học của GV và đề xuất bốn nhóm giải pháp: phát triển năng lực và kỹ năng nghiên cứu; củng cố động lực và tư duy khoa học; bảo đảm môi trường cùng các nguồn lực hỗ trợ; hoàn thiện cơ chế quản lý và chính sách khuyến khích. Việc thực hiện các giải pháp một cách nhất quán, có trọng tâm sẽ tạo chuyển biến thực chất trong hoạt động khoa học, nâng cao giá trị các sản phẩm nghiên cứu của đội ngũ GV và đóng góp thiết thực vào quá trình đổi mới giáo dục đại học, cải cách tư pháp.

Tài liệu tham khảo

- Boru, N. (2018). The factors affecting teacher motivation. *International Journal of Instruction*, 11(4), 761–776. <https://doi.org/10.12973/iji.2018.11448a>
- Đỗ Thị Hoài Vân & Lê Huy Tùng (2022). Xác định nhân tố ảnh hưởng đến năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên Đại học Quốc gia Hà Nội. *Tạp chí Giáo dục*, 22(13), 51–57.
- Huỳnh Thanh Nhã (2016). Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường cao đẳng công lập ở thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, (46), 20–29. <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2016.568>.
- Iqbal, M. Z., & Mahmood, A. (2011). Factors related to low research productivity at higher education level. *Asian Social Science*, 7(2), 188–193. <https://doi.org/10.5539/ass.v7n2p188>.
- Lê Thị Thương (2020). Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Giáo dục*, 36(3), 27–41. <https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4406>.
- Lê Vũ Đức (2022). Các yếu tố tác động đến việc phát huy năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên ở các trường quân đội. *Tạp chí Dạy và Học ngày nay*, 41–42.
- Mai Anh Vũ (2020). Sử dụng phương pháp phân tích dữ liệu PLS–SEM trong kiểm định các mô hình nghiên cứu khoa học. *Tạp chí Tài chính*, (722–723), 127–129. <https://scholar.dlu.edu.vn/thuvienso/handle/DLU123456789/251364>.
- Munyengabe, S., He, H., & Zhao, Y. (2016). The analysis of factors and levels associated with lecturers' motivation and job satisfaction in University of Rwanda. *Journal of Education and Practice*, 7(3), 188–200.
- Nguyễn Văn Thắng (2015). *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Phạm Viết Vượng (2004). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Svodziwa, M., Kurete, F., & Gwangwara, E. (2016). Motivational issues for lecturers in tertiary institutions: A case of Bulawayo Polytechnic. *International Journal of Scientific and Research Publications*, 6(4), 167–175. <https://www.ijssrp.org/research-paper-0416/ijssrp-p5226.pdf>.
- Times Higher Education. (2019). *THE World University Rankings 2020: Methodology*. <https://www.timeshighereducation.com/world-university-rankings/world>.
- Vũ Cao Đàm (2006). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.